

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**
Bản án số: 143/2025/DS-PT
Ngày: 18/12/2025
V/v: “Tranh chấp Hợp đồng
vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Quân; ông Lê Ngọc Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:
Bà Lữ Thị Phương Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 102/2025/DSPT ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS - ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hóa bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2025/QĐ - PT ngày 13 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị N, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn F, xã H, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc L, sinh năm 1960 (đã chết) và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa;

- Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Đỗ Ngọc L):

+ Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

+ Cụ Lý Thị P, sinh năm 1925;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

+ Chị Đỗ Thị L1, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn F, xã H, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt).

+ Anh Đỗ Ngọc L2, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa; (có mặt).

+ Chị Đỗ Thị L3, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn V, xã H, tỉnh Thanh Hóa; (vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Trần Xuân T, sinh năm 1964 là Luật sư thuộc Văn phòng L4, Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: P, VP3, Bán đảo L, phường H, thành phố Hà Nội; (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – Bà Đỗ Thị V; Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Đỗ Ngọc L): Bà Đỗ Thị V, chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, Thanh Hoá và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn – bà Vũ Thị N trình bày:

Ngày 12/02/2021, bà có cho ông Đỗ Ngọc L vay số tiền 350.000.000đ để đảo nợ ngân hàng. Ngày 29/7/2021, ông L tiếp tục vay bà số tiền 180.000.000đ với lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Tính đến ngày 08/11/2021 thời điểm ông L viết giấy cam kết trả nợ, ông L mới trả được 100.000.000đ tiền nợ gốc (vào ngày 14/8/2021) cho khoản vay ngày 29/7/2021. Còn lại số tiền 350.000.000đ đồng vay ngày 12/02/2021 ông L chưa trả cả gốc và lãi. Sở dĩ giấy vay tiền ngày 12/02/2021 bà chữa lại thành ngày 12/7/2021 là do giữa bà và ông L có rất nhiều khoản vay không giấy tờ và thanh toán cho nhau nhiều lần, chốt đến ngày 12/7/2021 ông L còn nợ bà số tiền là 350.000.000đ. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà V trả tiền gốc vay ngày 12/02/2021 là 350.000.000đ và tiền lãi trong hạn tính từ ngày 12/7/2021 đến ngày 09/01/2022 là 10%/năm, tiền lãi quá hạn từ ngày 10/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15%/năm. Tiền gốc vay ngày 29/7/2021 là 80.000.000đ, tiền lãi trong hạn tính từ ngày 14/8/2021 đến ngày 09/01/2022 là 10%/năm, tiền lãi quá hạn từ ngày 10/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 15%/năm. Ngoài 02 lần vay này, ông L còn vay bà nhiều lần bằng tiền mặt và chuyển khoản, trong đó có 02 lần chuyển khoản với số tiền 190.000.000đ vào tài khoản của ông L mở tại A. Quá trình thực hiện nhiều hợp đồng vay tiền khác nhau giữa bà và ông L, ông L có chuyển khoản cho bà vào số tài khoản của bà mở tại V1, bà không nhớ cụ thể là bao nhiêu, nhưng đây là trả cho các khoản vay khác.

Tại bản tự khai đề ngày 12/5/2022, bị đơn là ông Đỗ Ngọc L trình bày:

Ngày 12/02/2021, ông có vay của bà N số tiền 350.000.000đ, với lãi suất thỏa thuận 3000 đ/triệu/ngày. Đến tháng 10/2021, ông đã trả cho bà N số tiền 252.000.000đ, trong đó chuyển qua tài khoản của bà N số tiền là 78.750.000đ, số còn lại ông trả bằng tiền mặt nhưng hai bên không viết giấy tờ giao nhận. Ngày 29/7/2021, ông tiếp tục vay của bà N số tiền là 180.000.000đ với lãi suất thỏa thuận 3000đ/triệu/ngày. Ông đã trả lãi trực tiếp cho bà N là 8.100.000đ (không có giấy tờ giao nhận). Ngày 14/8/2021, ông trả cho bà N 100.000.000đ tiền gốc và 16.800.000đ tiền lãi. Ngày 08/11/2021, ông và bà N có thỏa thuận viết lại một

giấy cam kết trả nợ trong đó số tiền nợ gốc là 430.000.000đ, bà N cho ông 180.000.000đ, số còn lại 250.000.000đ hai bên thỏa thuận đến ngày 09/01/2022 ông và bà V sẽ trả toàn bộ tiền nên ông chỉ đồng ý trả cho bà N số tiền là 250.000.000đ như ông đã viết giấy cam kết.

Tại Bản án số 04/2022/DS-ST ngày 23/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (nay là Toà án nhân dân khu vực 6 - Thanh Hoá) đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N đã được thay đổi. Buộc ông L và bà V phải liên đới trả cho bà N các khoản sau:

- Số tiền 386.486.000đ phát sinh từ giấy vay tiền đề ngày 12/02/2021, trong đó nợ gốc là 350.000.000đ; nợ lãi trong hạn tính từ ngày 12/7/2021 đến ngày 09/01/2022 là 17.356.000đ; lãi quá hạn tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 19.130.000đ.

- Số tiền 87.628.000đ phát sinh từ giấy vay tiền đề ngày 29/07/2021, trong đó nợ gốc còn lại chưa trả là 80.000.000đ; nợ lãi trong hạn tính từ ngày 14/8/2021 đến ngày 09/01/2022 là 3.256.000đ; lãi quá hạn tính từ ngày 10/01/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là 4.372.000đ.

Tổng cộng, ông L và bà V phải liên đới trả cho bà N số tiền là 474.114.000đ, phần của ông L là 237.057.000đ, phần của bà V là 237.057.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông L và bà V còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án với mức lãi suất là 15%/năm.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/5/2023, bà V có đơn đề nghị xét lại bản án dân sự sơ thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm. Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/2024/KN-DS ngày 27/9/2024, Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án số: 04/2022/DS-ST ngày 23/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm huỷ bản án dân sự sơ thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 09/2025/DS-GĐT ngày 21/02/2025 của Ủy ban Thẩm phán Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định: Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 28/2024/KN-DS ngày 27/9/2024, Chánh án Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Huỷ Bản án số: 04/2022/DS-ST ngày 23/5/2022 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá về vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa nguyên đơn là bà Vũ Thị N với bị đơn là ông Đỗ Ngọc L, bà Đỗ Thị V; giao hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 14/4/2025, bà N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà V trả cho bà số tiền gốc 430.000.000đ, tiền lãi trong hạn của khoản vay 350.000.000đ từ ngày 12/7/2021 đến ngày 09/01/2022 là 34.712.000đ; tiền lãi trong hạn của khoản vay 180.000.000đ từ ngày 29/7/2021 đến ngày 14/8/2021 là 1.578.000đ; tiền lãi trong hạn của khoản vay 180.000.000đ từ ngày 15/8/2021 đến ngày 09/01/2022 là 6.443.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi trong hạn là 472.733.000đ. Ngoài ra, bà còn yêu cầu Tòa án buộc ông L, bà V phải trả lãi quá hạn cho bà với mức lãi suất là 20%/năm kể từ ngày 10/01/2022 cho đến khi trả hết nợ. Ngày 25/8/2025, bà N xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án buộc ông L và bà V phải trả số tiền nợ gốc là 180.000.000đ, kèm theo tiền lãi như đã yêu cầu; chỉ yêu cầu buộc ông L, bà V phải trả số tiền nợ gốc là 250.000.000đ, kèm theo tiền lãi trên nợ gốc quá hạn từ ngày 10/01/2022, cho đến khi ông L, bà V thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Bản tự khai đề ngày 14/4/2025, bà Đỗ Thị V trình bày: Bà không biết việc vay nợ giữa ông L với bà N, ông L không dùng số tiền vay của bà N để phục vụ đời sống sinh hoạt của gia đình. Lý do bà viết vào bản cam kết trả nợ là do bị bà N đe dọa, ép buộc. Những dòng chữ bà viết ra do bà N đọc cho bà chép chữ bà không nghĩ ra. Do sợ sệt nên bà viết rất lúng cùn, thậm chí còn sai năm.

Biên bản xác minh đề ngày 27/5/2025 của Tòa án thể hiện: Ông Đỗ Ngọc L đã chết vào hồi 12 giờ 10 phút ngày 27/8/2023. Ông L, bà V có 03 con là chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2 và chị Đỗ Thị L3; mẹ đẻ của ông L là cụ Lý Thị P.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2025/HS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hà Trung thể hiện: Ông L và bà V có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thôn T, xã H, huyện H và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà được ông L, bà V xây dựng theo giấy phép số 106/GPXD ngày 16/10/2018, hiện đang là tài sản bị cưỡng chế để thi hành án.

Toà án đã nhiều lần triệu tập những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L gồm: Bà V, chị L1, anh L2 chị L3 và cụ P đến làm việc, nhưng ngoài bà V, những người còn lại đều không có mặt, không ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà N giữ nguyên toàn bộ ý kiến như đã trình bày.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà V đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N, do bà N có dấu hiệu phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; đề nghị tạm đình chỉ để đợi các cơ quan có thẩm quyền giải quyết đơn tố cáo của bà V đối với bà N. Hơn nữa, nay ông L đã chết, các bên không thừa nhận, không thống nhất được với nhau về khoản tiền vay giữa ông L với bà N.

Bà V, chị L1, anh L2 đều thống nhất với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V; Chị L1 đề nghị làm rõ số tiền 180.000.000đ mà bà N đã trừ cho ông L là tiền gốc hay tiền lãi, đề nghị Tòa án thu thập chứng cứ là sao kê lịch

sử giao dịch qua ngân hàng của ông L và bà N; Chị L1, anh L2 xin được từ chối di sản thừa kế do ông L để lại.

Với nội dung nêu trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, tỉnh Thanh Hóa đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147; khoản 3 Điều 218; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 465; khoản 1, khoản 4 Điều 466; các Điều 470, 288, 468 của Bộ luật dân sự; Các Điều 27, 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26; Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị N.

Buộc bà Đỗ Thị V phải liên đới (với ông Đỗ Ngọc L) trả cho bà Vũ Thị N 1/2 số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng là 125.000.000 đồng, kèm theo lãi suất chậm trả từ ngày 10/01/2022 đến ngày 11/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 45.890.411 đồng. Tổng cộng là 170.890.411 đồng;

Buộc bà Đỗ Thị V, cụ Lý Thị P, chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2, chị Đỗ Thị L3 phải liên đới trả (phần nghĩa vụ của ông Đỗ Ngọc L) cho bà Vũ Thị N ½ số tiền nợ gốc 250.000.000 đồng là 125.000.000 đồng, kèm theo lãi suất chậm trả từ ngày 10/01/2022 đến ngày 11/9/2025 (ngày xét xử sơ thẩm) là 45.890.411đ. Tổng cộng là 170.890.411 đồng; Chia theo phần: Mỗi người phải trả 34.178.082 đồng theo “Giấy cam kết trả nợ” đề ngày 08/11/2021.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Vũ Thị N về việc yêu cầu buộc vợ chồng ông Đỗ Ngọc L, bà Đỗ Thị V phải trả số tiền nợ gốc 180.000.000đ, kèm theo lãi suất, trong hạn, quá hạn trên số tiền nợ gốc theo đơn khởi kiện.

3. Án phí: Buộc chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2, chị Đỗ Thị L3, cụ Lý Thị P mỗi người phải chịu 1.708.904 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm cho bà Đỗ Thị V.

Trả lại cho bà Vũ Thị N số tiền tạm ứng án phí 11.455.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6 - Thanh Hoá), theo biên lai số: AA/2021/00042508 ngày 20/01/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Bị đơn – bà Đỗ Thị V; *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Đỗ Ngọc L):* Bà Đỗ Thị V, chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2 có đơn kháng cáo bản án nêu trên, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết huỷ bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS - ST ngày 11/9/2025 của TAND khu vực 6, Thanh Hoá.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày ý kiến: Bà Đỗ Thị V vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, với lý do bà không đồng ý với Bản án

sơ thẩm vì có nhiều vi phạm thủ tục tố tụng: việc tổng đạt văn bản cho người kế thừa quyền nghĩa vụ của bị đơn cụ thể là mẹ chồng bà - cụ P, thực tế cụ đã 100 tuổi, sức khoẻ yếu, không có khả năng nhận thức và thực hiện quyền tố tụng của mình. Tuy nhiên, Toà sơ thẩm không xác minh năng lực của cụ, không có người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng mà buộc cụ phải trả khoản nợ cho con trai và phải chịu án phí đối với số tiền buộc phải trả là không có căn cứ. Việc đưa mẹ chồng bà và các con bà tham gia tố tụng nhưng không được Toà án giải thích rõ quyền từ chối nhận di sản thừa kế theo quy định tại Điều 620 Bộ luật dân sự là không đúng quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để đảm bảo quyền lợi cho gia đình bà.

- Anh L2, chị Lê G nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm theo hướng không buộc anh, chị phải có nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm để đảm bảo quyền lợi cho nguyên đơn.

Đại diện VKSND tỉnh Thanh Hoá phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử theo trình tự phúc thẩm, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của TAND khu vực 6, Thanh Hóa, chuyển hồ sơ cho TAND khu vực 6, Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm do Tòa án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được tại phiên tòa.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Bị đơn – Bà Đỗ Thị V; *Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn (ông Đỗ Ngọc L)*: Bà Đỗ Thị V, chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2 làm trong thời hạn, theo đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên là đơn kháng cáo hợp lệ. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

- Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà Đỗ Thị V, anh Đỗ Ngọc L2, chị Đỗ Thị L1, Hội đồng xét xử thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có những vi phạm sau:

[2.1] Việc tổng đạt văn bản tố tụng chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 174, Điều 175 Bộ luật Tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của đương sự: Tại biên bản xác minh đề ngày 27/5/2025 của Tòa án sơ thẩm thể hiện: Bị đơn: ông Đỗ Ngọc L đã chết vào hồi 12 giờ 10 phút ngày 27/8/2023. Ông L, bà V có 03 con là chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2 và chị Đỗ Thị L3; mẹ đẻ của ông L là cụ Lý Thị P.

Toà án sơ thẩm đã đưa bà V, chị L1, anh L2, chị L3 và cụ P tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông L. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa sơ thẩm nhận định đã nhiều lần triệu tập bà V, chị L1, anh L2 chị L3 và cụ P đến làm việc, nhưng ngoài bà V ra, những người còn lại đều không có mặt, không có quan điểm ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà N; Cụ P và chị L3 là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt cụ P, chị L3. Tuy nhiên, theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bà Đỗ Thị V trình bày cụ P đã gần 100 tuổi, nằm liệt, không có khả năng nhận thức mọi việc xung quanh. Cụ không nhận được văn bản tố tụng của Tòa án. Mặt khác, cụ Lý Thị P, chị Đỗ Thị L3 đều vắng mặt trong suốt quá trình Tòa sơ thẩm giải quyết vụ án nhưng trong hồ sơ chưa có giấy tờ thể hiện Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho họ (hồ sơ chỉ có bảng kê gửi văn bản tố tụng cho đương sự), cũng như chưa có giấy tờ thể hiện những người tham gia tố tụng đã nhận được văn bản này. Như vậy, chưa có căn cứ xác định cụ P và các đương sự khác trong vụ án đã được biết và được giải thích về việc tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách kế thừa quyền, nghĩa vụ của của bị đơn và về việc phải thực hiện nghĩa vụ mà bị đơn đã chết để lại. Tòa sơ thẩm không tiến hành xác minh về việc giao gửi văn bản qua dịch vụ bưu điện, về địa chỉ nơi cư trú của các đương sự để thực hiện phương thức tổng đạt hợp lệ là thực hiện chưa đủ thủ tục tổng đạt theo Điều 174, Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự theo Điều 70, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là chưa đúng quy định theo điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Việc thu thập chứng cứ và chứng minh chưa đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể bổ sung được, vi phạm khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Tòa sơ thẩm chỉ căn cứ vào Bản án số 24/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung để xác định: Ông L và bà V có khối tài sản chung là quyền sử dụng đất tại thôn T, xã H, huyện H và tài sản gắn liền với đất là 01 ngôi nhà được ông L, bà V xây dựng theo giấy phép số 106/GPXD ngày 16/10/2018, hiện đang là tài sản bị cưỡng chế thi hành án là thiếu sót. Tòa sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh di sản thừa kế của bị đơn – ông Đỗ Ngọc L để lại như xác nhận của UBND xã T, tỉnh Thanh Hoá hoặc của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai về việc xác nhận thông tin quyền sử dụng đất của người chết (bị đơn ông Đỗ Ngọc L); xác minh làm rõ hiện trạng quyền sử dụng hợp pháp quyền sử dụng đất tại thôn T, xã H, huyện H (nay là thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa) và tài sản gắn liền với đất thời điểm hiện tại.

- Tòa sơ thẩm chưa thu thập Giấy chứng tử của ông L, chưa lấy lời khai của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông L để làm rõ về việc ông L trước khi chết có để lại di chúc không. Nếu không có di chúc thì di sản đã được chia theo pháp luật chưa. Trường hợp chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do ông L để lại được người quản lý thực hiện theo thoả thuận của những người thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại. Nếu di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không được vượt quá phần tài sản mà họ đã nhận.

Như vậy, Toà sơ thẩm nhận định tổng số tiền buộc ông L, bà V phải trả cho bà N là 341.780.822đ (trong đó: nợ gốc 250.000.000đ, nợ lãi 91.780.822đ) theo “Giấy cam kết trả nợ” đề ngày 08/11/2021 và chỉ căn cứ vào bản án hình sự sơ thẩm số 24/2025/HS-ST ngày 23/4/2025 của Toà án nhân dân huyện Hà Trung buộc bà V, cụ P, chị L1, anh L2 và chị L3 phải trả thay cho ông L số tiền 170.890.411đ (trong đó: nợ gốc 125.000.000đ, nợ lãi 45.890.411đ), mỗi người phải trả 34.178.082đ là chưa đủ căn cứ theo quy định tại Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.3] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn có vi phạm sau:

Toà sơ thẩm nhận định về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Đối với cụ P là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng phải có đơn đề nghị được miễn. Cụ P vắng mặt, không có đơn đề nghị miễn nộp án phí nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét miễn án phí cho cụ P. Tuy nhiên, như đã nhận định tại mục [2.1], do Toà án sơ thẩm tổng đạt chưa hợp lệ cho cụ P nên cụ không biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của pháp luật. Do vậy, Toà án sơ thẩm buộc cụ P phải chịu 1.708.904 đồng án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đưa thiếu người tham gia tố tụng, vi phạm Điều 77 Bộ luật Tố tụng dân sự: Để làm sáng tỏ nội dung bà V nại ra việc bà ký vào bản cam kết trả nợ ngày 08/11/2021 là do bị cưỡng ép, tình thần không minh mẫn, Toà sơ thẩm cần đưa bà D vào tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng.

[3] Từ những căn cứ và phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bà Đỗ Thị V, chị Đỗ Thị L1, anh Đỗ Ngọc L2, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, Thanh Hoá; chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân khu vực 6, Thanh Hoá giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Đỗ Thị V, anh Đỗ Ngọc L2, chị Đỗ Thị Lê K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả anh Đỗ Ngọc L2, chị Đỗ Thị Lê T1 tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của bị đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bị đơn, hủy bản án dân sự sơ thẩm số 43/2025/DS-ST ngày 11/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6, Thanh Hóa về việc: “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Giao hồ sơ cho TAND khu vực 6, Thanh Hóa giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí dân sự sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ khoản 3 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đỗ Thị V, anh Đỗ Ngọc L2, chị Đỗ Thị Lê K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; Trả lại anh L2, chị L1 số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001361 và 0001334 ngày 10/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Thanh Hoá.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm – TANDTC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- TAND khu vực 6;
- Phòng THADS khu vực 6;
- Đương sự;
- Lưu HSVA; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nga